

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH
BAN XỬ LÝ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP VÀ TỰ VỆ

- BẢN LƯU HÀNH HẠN CHẾ**
 BẢN LƯU HÀNH CÔNG KHAI

(điền vào ô thích hợp)

BẢN CÂU HỎI ĐIỀU TRA TỰ VỆ
DÀNH CHO CÁC NHÀ NHẬP KHẨU

HÀNG HOÁ THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA: kính nôi, mã số HS 7005 29 90 00 và 7005 21 90 00

CƠ SỞ PHÁP LÝ: Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

CĂN CỨ: Quyết định tiến hành điều tra số 3329/QĐ-BCT ngày 01/7/2009

THỜI HẠN NỘP BẢN TRẢ LỜI: Xem mục 8 của Thông báo tiến hành điều tra kèm Quyết định số 3329/QĐ-BCT

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH:

Họ và tên: Phạm Thị Vân Thành, Phan Thế Thắng

Điện thoại liên hệ: 844 22205012

Email: ThanhPTV@moit.gov.vn; ThangPT@moit.gov.vn

ĐỊA CHỈ: CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH, BỘ CÔNG THƯƠNG
SỐ 25 NGŨ QUYỀN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
VIỆT NAM
FAX: (+84-4) 2220 5003

CHÚ Ý: BẢN CÂU HỎI NÀY CẦN ĐƯỢC TRẢ LỜI THÀNH HAI PHIÊN BẢN, MỘT PHIÊN BẢN LƯU HÀNH HẠN CHẾ VÀ MỘT PHIÊN BẢN LƯU HÀNH CÔNG KHAI¹

¹ Lưu ý: những thông tin mật được thể hiện bởi thuật ngữ “lưu hành hạn chế” theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chỉ có những tài liệu nào có ghi rõ “lưu hành hạn chế” mới được coi là tài liệu mật theo quy định tại Điều 9 Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08/12/2003. Do vậy, bất kỳ nội dung nào mang thông tin mật phải được ghi rõ “lưu hành hạn chế”.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
MỤC A - HƯỚNG DẪN CHUNG ĐỂ HOÀN THÀNH BẢN CÂU HỎI	3
MỤC B - HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA	6
MỤC C - THÔNG TIN CHUNG	7
MỤC D - THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY	9
MỤC E - THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA (XÁC ĐỊNH THEO MỤC B) DO CÔNG TY NHẬP KHẨU	11
MỤC F - CÁC NHÂN TỐ KHÁC	15
MỤC G - LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM	16
MỤC H - XÁC NHẬN.....	17

MỤC A - HƯỚNG DẪN CHUNG ĐỂ HOÀN THÀNH BẢN CÂU HỎI

Bản câu hỏi điều tra này dành cho các nhà nhập khẩu ở Việt Nam.

Cục Quản lý cạnh tranh (sau đây gọi là Cục QLCT) tiến hành điều tra dựa trên đơn khiếu nại của ngành sản xuất trong nước cho rằng việc nhập khẩu hàng hóa đã và đang gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

Cục QLCT có quyền yêu cầu thêm các bằng chứng hoặc thông tin vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình điều tra. Điều quan trọng là những người chịu trách nhiệm trả lời bản câu hỏi này phải cung cấp các nguồn tài liệu mà họ đã sử dụng để trả lời bản câu hỏi.

Các câu trả lời phải chính xác và đầy đủ chi tiết.

Để biết thêm thông tin đề nghị liên hệ với Cục QLCT theo địa chỉ được nêu trong bản câu hỏi này.

Đề nghị đọc kỹ những điều dưới đây trước khi điền vào bản câu hỏi điều tra.

Những chi tiết được yêu cầu trong bản câu hỏi điều tra này sẽ cung cấp cho Cục QLCT những thông tin cần thiết để tiến hành điều tra. Do vậy tất cả các câu hỏi phải được trả lời theo mẫu yêu cầu và trong thời hạn đã được quy định. Trong quá trình điều tra tiếp theo, Quý công ty có trách nhiệm hợp tác toàn diện với Cục QLCT.

Cục QLCT sẽ tạo điều kiện để tất cả các bên liên quan có cơ hội tiếp cận với các thông tin không mật liên quan tới việc bảo vệ quyền lợi của họ kể cả các thông tin được Cục QLCT sử dụng trong quá trình điều tra.

Các thông tin thương mại có tính chất mật (những thông tin mà nếu bị tiết lộ chúng sẽ tạo lợi thế cho đối thủ cạnh tranh) hoặc những thông tin được cung cấp với yêu cầu được bảo mật sẽ được Cục QLCT coi là thông tin mật nếu lý do bảo mật là hợp lý.

Các bên yêu cầu bảo mật thông tin do mình cung cấp cần phải:

- (a) Xác định rõ thông tin cần được bảo mật,
- (b) Nêu lý do yêu cầu bảo mật,
- (c) Cung cấp bản lưu hành công khai hoặc bản tóm tắt để lưu hành công khai của các thông tin được yêu cầu bảo mật. Nếu bên cung cấp thông tin cho rằng thông tin đó không thể tóm tắt được thì phải có văn bản giải thích lý do tại sao. Phần trả lời trong bản lưu hành công khai phải thống nhất với phần trả lời trong bản lưu hành hạn chế, trong đó các thông tin được yêu cầu bảo mật đã được loại bỏ hoặc đã được tóm tắt lại.

Không được để trống bất cứ câu hỏi hay phần nào. Nếu câu trả lời nào là “không” hoặc “không áp dụng” thì công ty phải giải thích rõ điều đó. Để bảo vệ quyền lợi của chính Quý công ty, đề nghị trả lời chính xác, đầy đủ và gửi kèm tất cả các tài liệu chứng minh cần thiết.

Phần trả lời của công ty cần được chứng minh bằng các chứng cứ như hóa đơn thương mại, bảng chi phí, v.v... Công ty không cần gửi những chứng cứ này cùng với bản trả lời trừ khi được yêu cầu, nhưng phải sẵn sàng xuất trình khi được yêu cầu vào bất kỳ thời điểm nào của quá trình điều tra.

Điều cần lưu ý khi cung cấp các tệp tin (file) điện tử:

Tất cả các bảng dữ liệu phải được lập dưới dạng bảng MS Excel, tốt nhất được gửi bằng đĩa CD hoặc ổ ghi dữ liệu USB. Phải cung cấp đầy đủ các thông tin về định dạng để đảm bảo việc khai thác dữ liệu một cách có hiệu quả. Tất cả các bảng Excel phải được đặt tên phù hợp với tiêu đề tương ứng trong bản câu hỏi điều tra.

Phần trả lời bản câu hỏi phải được điền trên cả bản in (hardcopy) và bản điện tử (softcopy). Bản in phải được gửi đến Cục QLCT trước khi hết hạn theo địa chỉ sau:

CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH - BỘ CÔNG THƯƠNG

Số 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84 4) 2220 5002

Fax: (84 4) 2220 5003

Email: ThanhPTV@moit.gov.vn

Bản điện tử phải được gửi đến địa chỉ email của Cục QLCT. Tiêu đề của thư phải được ghi rõ là “**Trả lời bản câu hỏi điều tra áp dụng biện pháp tự vệ số 09-KN-TVE-01**”. Trong thư phải nêu rõ tên, địa chỉ của công ty; tên, chức vụ và điện thoại liên hệ của người đại diện trả lời bản câu hỏi này.

Bản in phải gửi kèm với bản điện tử. Cả hai bản phải có cùng nội dung. Trong trường hợp không đủ chỗ khi trả lời trên giấy hoặc công ty cho rằng mình không thể trả lời được, hãy liên hệ với một trong các cán bộ phụ trách vụ việc.

Lưu ý rằng các thông tin mà công ty cho là mật có thể được tóm tắt như sau:

Ví dụ về thông tin mật:

2004	2005	2006
20.000 VND	30.000 VND	40.000 VND

Bản tóm tắt để lưu hành công khai có thể như sau:

2004	2005	2006
= 100	150	200

Lưu ý rằng nếu công ty nộp thêm bất kỳ tài liệu nào, công ty cần phải nộp cả bản tóm tắt để lưu hành công khai.

Thời hạn:

Bản trả lời câu hỏi của công ty cùng với các tài liệu chứng minh phải được gửi tới Cục QLCT trong vòng 40 ngày kể từ ngày quyết định tiến hành điều tra, hoặc sớm hơn nếu có thể.

Ngôn ngữ:

Ngôn ngữ trả lời bản câu hỏi điều tra này là Tiếng Việt.

MỤC B - HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

Hàng hóa thuộc đối tượng điều tra là mặt hàng kính nổi nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ nhiều nước, hiện tại được phân loại theo mã số thuế HS 7005 29 90 00 và 7005 21 90 00.

MỤC C - THÔNG TIN CHUNG

C.1. Thông tin chung

Tên công ty:

Loại hình công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người liên hệ (tên và chức vụ trong công ty):

C.2. Cơ cấu tổ chức của công ty

Cung cấp sơ đồ về cơ cấu tổ chức và các công ty liên kết.²

Đề nghị nêu rõ các công ty được nêu trong bản trả lời này.

C.3. Báo cáo tài chính

Đề nghị gửi kèm báo cáo thường niên của 03 năm gần đây nhất cùng với toàn bộ sổ sách đã được kiểm toán. Nếu công ty là thành viên của một (nhóm) công ty (ví dụ tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ - con...), đề nghị cung cấp báo cáo tổng hợp của (nhóm) công ty đó.

² Lưu ý rằng các bên được xem là liên kết, nếu: (1) Một công ty sản xuất hàng hóa tương tự được xem là có mối quan hệ trực tiếp với tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa đang bị yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ trong các trường hợp sau: (a) Một bên trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia; (b) Cả hai bên bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một bên thứ ba; (c) Cả hai bên trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát một bên thứ ba, chứng minh rằng có cơ sở để tin tưởng hoặc nghi ngờ rằng ảnh hưởng của mối quan hệ như vậy sẽ làm cho nhà sản xuất liên quan bị đối xử khác biệt với các nhà sản xuất không liên quan. (2) Một bên có thể kiểm soát bên thứ hai khi họ có quyền kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động của bên thứ hai nhằm kiếm lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của bên thứ hai.

C.4. Địa điểm lưu giữ tài liệu

Cho biết địa điểm (địa chỉ đầy đủ) nơi lưu giữ các sổ sách kế toán của công ty (bao gồm các sổ sách về hàng hóa thuộc đối tượng điều tra).

C.5. Loại hàng hóa

Liệt kê toàn bộ các loại hàng hóa do công ty nhập khẩu/bán.

MỤC D - THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY

D.1. Tổng doanh thu (doanh thu thuần trước thuế sau khi đã loại bỏ các khoản giảm trừ)

Đề nghị điền thông tin vào bảng sau:

Tổng doanh thu bán hàng (chỉ rõ đơn vị tiền tệ)

Giá trị	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Tổng doanh thu của công ty						
Doanh thu bán hàng hóa thuộc đối tượng điều tra						
Doanh thu từ thị trường Việt Nam						
Doanh thu từ các thị trường ngoài Việt Nam						

D.2. Tổng lợi nhuận của công ty

Đề nghị điền vào bảng sau các thông tin về tổng lãi/lỗ trước thuế của công ty theo giá trị phần trăm tổng doanh thu.

Lãi/Lỗ tính theo phần trăm của doanh thu

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Tổng lãi/lỗ của công ty						
Lãi/Lỗ từ việc bán hàng hóa thuộc đối tượng điều tra						

D.3. Tổng số nhân công

Đề nghị cung cấp số nhân công vào cuối mỗi giai đoạn sau.

Số lượng nhân công (cuối giai đoạn)

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Tổng số nhân công trong toàn công ty						
Số nhân công liên quan đến bán hàng hóa thuộc đối tượng điều tra						

MỤC E - THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA (XÁC ĐỊNH THEO MỤC B) DO CÔNG TY NHẬP KHẨU

E.1. Giới thiệu

Mục đích của phần này là nhằm đánh giá tác động của xu hướng biến động về lượng và giá của hàng hóa nhập khẩu đối với các nhà sản xuất Việt Nam và của các nhân tố khác (nếu có) và sự tồn tại của những xu hướng đó đang hoặc có thể gây ra thiệt hại cho các nhà sản xuất của Việt Nam.

E.2. So sánh

Đề nghị so sánh hàng hóa thuộc đối tượng điều tra mà công ty nhập khẩu với hàng hóa được sản xuất và bán ra của các nhà sản xuất trong nước. Liệt kê sự khác biệt về đặc điểm kỹ thuật và vật lý, và/hoặc mục đích sử dụng cuối cùng giữa hàng hóa do công ty nhập khẩu với hàng hóa được sản xuất và bán ra của các nhà sản xuất trong nước. Đồng thời cho biết những khác biệt trong quá trình sản xuất có dẫn đến khác biệt về chất lượng và mục đích sử dụng hoặc ứng dụng cuối cùng hay không.

E.3. Biến động về tồn kho hàng hóa thuộc đối tượng điều tra

Lượng hàng tồn kho

Đơn vị: m2QTC	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Tồn kho đầu kỳ					
+ Mua hàng hóa sản xuất tại Việt Nam					
+ Mua hàng hóa nhập khẩu					
- Lượng hàng hóa tiêu thụ					
- Lượng hàng hóa bán lại					
= Tồn kho cuối kỳ					

Tồn kho hàng quý

Đơn vị: m2QTC	Quý I năm 2007	Quý II năm 2007	Quý III năm 2007	Quý IV năm 2007	Quý I năm 2008	Quý II năm 2008	Quý III năm 2008	Quý IV năm 2008	Quý I năm 2009
Tồn kho đầu kỳ									
+ Mua hàng hóa sản xuất tại Việt Nam									
+ Mua hàng hóa nhập khẩu									
- Lượng hàng hóa bán lại									
= Tồn kho cuối kỳ									

E.4. Giá trị nhập khẩu/mua vào, sau khi đã trừ các khoản khấu trừ và giảm giá. Đối với hàng hóa nhập khẩu, đề nghị sử dụng giá CIF. Nêu rõ điều kiện giao hàng của hàng hóa mua từ các nhà sản xuất Việt Nam (*chỉ rõ đơn vị tiền tệ*)

Giá trị nhập khẩu/mua vào của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra (chỉ rõ đơn vị tiền tệ)

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Giá trị hàng hóa sản xuất tại Việt Nam						
Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba						
Trong đó, giá trị nhập khẩu từ quốc gia A*						
Trong đó, giá trị nhập khẩu từ quốc gia B*						
Tổng giá trị mua vào						

* Đề nghị chỉ rõ giá trị nhập khẩu từ từng quốc gia riêng biệt và thêm dòng nếu cần thiết.

E.5. Lượng hàng hóa thuộc đối tượng điều tra được nhập khẩu/mua vào

Lượng hàng hóa thuộc đối tượng điều tra được nhập khẩu/mua vào

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Lượng hàng hóa sản xuất tại Việt Nam						
Tổng lượng hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba						
Trong đó, lượng nhập khẩu từ quốc gia A*						
Trong đó, lượng nhập khẩu từ quốc gia B*						
Tổng lượng mua vào						

* Đề nghị chỉ rõ lượng nhập khẩu từ từng quốc gia riêng biệt và thêm dòng nếu cần thiết.

E.6. Đơn giá hàng hóa nhập khẩu/mua vào, sau khi đã trừ các khoản khấu trừ và giảm giá. Đối với hàng hóa nhập khẩu, đề nghị sử dụng giá CIF. Chỉ rõ điều kiện giao hàng đối với hàng hóa mua từ các nhà sản xuất Việt Nam (*chỉ rõ đơn vị tiền tệ*)

Đơn giá hàng hóa thuộc đối tượng điều tra được nhập khẩu/mua vào (chỉ rõ đơn vị tiền tệ)

Đơn giá	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Mua hàng hóa sản xuất tại Việt Nam						
Mua hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba						

Tổng hàng hóa mua vào							
------------------------------	--	--	--	--	--	--	--

Đơn giá tính theo quý

Đơn giá	Quý I năm 2007	Quý II năm 2007	Quý III năm 2007	Quý IV năm 2007	Quý I năm 2008	Quý II năm 2008	Quý III năm 2008	Quý IV năm 2008	Quý I năm 2009
Mua hàng hóa sản xuất tại Việt Nam									
Mua hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba									

E.7. Lượng bán lại và lợi nhuận của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra

Giá trị bán lại hàng hóa thuộc đối tượng điều tra

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam						
Hàng hóa nhập khẩu						

Lợi nhuận (theo % doanh thu) của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Quý I năm 2009
Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam						
Hàng hóa nhập khẩu						

MỤC F - CÁC NHÂN TỐ KHÁC

Hãy bình luận về các yếu tố tiềm năng, nếu có, và giải thích các yếu tố này có thể tác động như thế nào đến tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty và ngành sản xuất.

Phân tích này có thể bao gồm các ý kiến của công ty về:

- Tình hình thị trường Việt Nam và dự kiến những biến động/thay đổi trong tiêu thụ “hàng hóa thuộc đối tượng điều tra” trong nước.
- Tình hình của thị trường thế giới về “hàng hóa thuộc đối tượng điều tra” và triển vọng của việc xuất khẩu hàng hóa sang các nước thứ ba.
- Sự cạnh tranh ở Việt Nam và thị trường thế giới.
- Chất lượng, tính hiệu quả, công năng của hàng hóa nhập khẩu so với hàng hóa của các nhà sản xuất Việt Nam hoặc của các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường thế giới.
- Sự sụt giảm nói chung của nền kinh tế thế giới trong năm...

Những liệt kê trên đây chỉ là gợi ý. Công ty có thể bổ sung thêm các thông tin khác để giải thích về tình trạng của ngành sản xuất.

MỤC G - LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM

Theo quy định tại Điều 19.2 của Pháp lệnh về Tự vệ, Cục QLCT sẽ xem xét tất cả các thông tin hoặc ý kiến bình luận về việc áp dụng các biện pháp tự vệ có phục vụ lợi ích của Việt Nam hay không và việc áp dụng các biện pháp này sẽ tác động như thế nào tới các bên liên quan.

Các yếu tố sau sẽ được đặc biệt quan tâm:

- Doanh thu (giá trị và lượng)
- Sản lượng, công suất và công suất sử dụng
- Thị phần
- Giá bán
- Chi phí
- Lợi nhuận
- Lợi nhuận trên vốn đầu tư
- Dòng tiền mặt
- Nhân công
- Các yếu tố khác

Đề nghị cho biết ý kiến về những biến động trong tương lai có thể dự báo được đối với công ty và các bên liên quan khác nếu các biện pháp tự vệ được áp dụng sau khi quá trình điều tra này kết thúc.

Đề nghị cho biết ý kiến về những biến động trong tương lai có thể dự báo được đối với công ty và các bên liên quan khác nếu các biện pháp tự vệ được dỡ bỏ sau khi quá trình điều tra này kết thúc.

Lưu ý: Cục QLCT chỉ xem xét các thông tin trong mục này nếu có các chứng cứ kèm theo.

MỤC H - XÁC NHẬN

Người ký tên dưới đây xin xác nhận những thông tin trong bản trả lời này là đầy đủ và chính xác theo hiểu biết tốt nhất của mình và hiểu rằng những thông tin này có thể sẽ được Cục QLCT kiểm tra và xác minh lại.

Ngày

Chữ ký của người có thẩm quyền

Tên, chức danh của người có thẩm quyền